

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 33/2025/HC-PT

Ngày 15-01-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Nguyễn Văn Tào**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* ông **Nguyễn Thế Trường**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm: trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai trực tuyến vụ án hành chính thụ lý số **327/2024/TLPT-HC** ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2024/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông **Đỗ Quý L**, sinh năm: 1991; địa chỉ: **9 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông **Đỗ Quý B** sinh năm: 1965; địa chỉ: **số 1 đường Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm 1978; địa chỉ: **1 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**. Có mặt.

- **Người bị kiện:** Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố B**.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Lê Đại T1** - chức vụ: Phó chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Bà **Vũ Thị Thanh V** – Phó Trưởng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông **Hoàng Tiến M** – Chuyên viên **Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Anh P** – Chức vụ: Công chức địa chính. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của ông **Đỗ Quý L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của người khởi kiện:

Gia đình ông **L** hiện đang sinh sống tại căn nhà và đất **số 1 đường Đ, Tp ., tỉnh Đắk Lắk**. Nguồn gốc đất này do gia đình ông **L** nhận chuyển nhượng từ ông **Trần Trường L1** vào năm 2014. Tuy nhiên vừa qua, **UBND phường T, U, UBND tỉnh Đ** và các cơ quan có liên quan xác định phần đất mà gia đình ông **L** đang sử dụng có 138,9m² là đất lấn chiếm.

U đã ban hành Quyết định số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 với nội dung buộc gia đình ông **L** phải khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Buộc gia đình ông **L** phải phá bỏ các công trình gồm 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ.

Nhận thấy Quyết định nêu trên của U xâm phạm đến quyền và lợi ích của mình nên ông L khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của U, tỉnh Đắk Lắk với các lý do:

Thửa đất này đã được gia đình ông Nguyễn Văn S sử dụng từ trước năm 1993, đến tháng 10/2003 sang nhượng lại cho gia đình ông Nguyễn Bá C, sau đó ông C Sang nhượng lại cho ông Trần Trường L1 và ông L1 sang nhượng lại cho ông L. Trong suốt quá trình sử dụng ông L và các hộ sử dụng trước đó không hề nhận được bất kỳ văn bản nào của UBND tỉnh Đ cũng như các cơ quan quản lý hành chính nhà nước về việc thu hồi thửa đất này. UBND tỉnh Đ thu hồi đất của Trường Đại học T4 vào năm 2010 nhưng thửa đất này đã được sử dụng trước thời điểm thu hồi.

Trường hợp nếu Nhà nước thu hồi thì thửa đất của ông L đủ điều kiện để bồi thường hỗ trợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: thửa đất này có nguồn gốc được sử dụng từ trước năm 1993, trong quá trình sử dụng cho đến nay người sử dụng đất đều nộp thuế đất cho Nhà nước đầy đủ. Tài sản trên đất được tạo lập trước thời điểm UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi đất, hơn nữa diện tích đất này được sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở. Hiện nay, UBND tỉnh Đ quy hoạch thành khu dân cư, như vậy gia đình ông L đang sử dụng đất phù hợp với quy hoạch của Nhà nước. Do đó, dù phần đất ông L đang quản lý sử dụng có nguồn gốc lấn chiếm thì thửa đất này cũng đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nhưng đến nay gia đình ông L không hề nhận được thông báo thu hồi hay phương án bồi thường nào liên quan đến diện tích đất này.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 5 Quy định về hỗ trợ tái định cư ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì gia đình ông L thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư và còn được hưởng các khoản hỗ trợ khác theo quy định tại mục 9 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ. Tuy nhiên gia đình ông L chỉ nhận được Quyết định buộc khắc phục hậu quả số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của U mà không nhận được bất kỳ văn bản nào về việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền trên đất.

Trình bày của người bị kiện:

1. Về nguồn gốc đất: UBND Tỉnh Đ thu hồi 2.258,7m² (thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, diện tích 942m² và thửa đất số 417 tờ bản đồ số 24, diện tích 1.316,7m²) tại phường T, thành phố B của trường Đại học T4 giao cho UBND

thành phố B quản lý, để bố trí tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 10/11/2010.

2. Về quá trình xử lý vi phạm hành chính: Ngày 13/3/2023, UBND phường T vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông Đỗ Quý L về hành vi vi phạm: Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị diện tích 138,9m² thuộc một phần thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, lô đất tọa lạc tại phường T, thành phố B.

Ngày 15/3/2023, UBND phường T có Tờ trình số 41/TTr-UBND về việc đề nghị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai, trong đó hành vi vi phạm hành chính về đất đai của ông Đỗ Quý L diễn ra từ năm 2005 đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (quá 02 năm).

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC ngày 13/3/2023, Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 15/3/2023 của UBND phường T; căn cứ quy định tại điểm a, khoản 4 và khoản 5, điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1346/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Quý L.

3. Quan điểm của UBND thành phố B: Việc UBND phường T xác định hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính và Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 là đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy nội dung khởi kiện của ông Đỗ Quý L là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Căn cứ Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Đ thu hồi 2.258,7m² (thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, diện tích 942m² và thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.316,7m²) tại phường T, thành phố B của trường Đại học T4 giao cho UBND thành phố B quản lý, để bố trí tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất. Tháng 5/2012, thời điểm UBND thành phố B nhận bàn giao ghi nhận diện tích đất trên đã bị các hộ dân lấn chiếm, xây dựng gần hết diện tích đất.

Căn cứ Công văn số 4081/UBND-TNMT ngày 24/10/2022 của UBND thành phố B về việc giải quyết một số nội dung liên quan đến thửa đất số 417 và 483, tờ bản đồ số 24, tại phường T, thành phố B; căn cứ sơ đồ mảnh trích đo xác

định phần đất lấn chiếm khu Ký túc xá trường Đại học T5 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập ngày 07/3/2023 xác định phần đất ông Đỗ Quý L đang sử dụng thuộc một phần diện tích thửa đất 417 tờ bản đồ số 24 thuộc khu đất được giao cho UBND thành phố B đang quản lý.

Ngày 13/3/2023, UBND phường T Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông Đỗ Quý L; ngày 27/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1342/QĐ- KPHQ. Đến nay ông Đỗ Quý L chưa thực hiện việc khắc phục hậu quả theo Quyết định 1342.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Quý L, UBND phường T đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, kết quả xác minh thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2024/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

- Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

- Điểm a, b khoản 1 Điều 28; điểm đ khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020;

- Điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14; khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP;

- Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Quý L về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1342/QĐ- KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/7/2024, người khởi kiện ông **Đỗ Quý L** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông **L** không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông **Đỗ Quý L**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông **Đỗ Quý L** đúng quy định về hình thức, trong hạn luật định nên hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông **Đỗ Quý L** là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông **Đỗ Quý L** và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông **Đỗ Quý L** đúng quy định về hình thức, trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Theo các tài liệu đã thu thập và lời khai của ông **Đỗ Quý L** thể hiện: nguồn gốc của thửa đất và căn nhà cấp 4, có địa chỉ **9 đường Đ**, thuộc một phần thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, tại **tổ dân phố A, phường T, thành phố B** là do gia đình ông **Đỗ Quý L** nhận sang nhượng lại của ông **Trần Thanh T2** vào năm 2014 (có diện tích 132 m²). Ông **T2** nhận chuyển nhượng từ gia đình ông **Trần Trường L1** và bà **Trần Thị Minh T3**. Ông **L1**, bà **T3** nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Bá C**, bà **Đặng Thị N** vào ngày ngày 16/11/2003 và đã xây dựng nhà ở từ năm 2005. Ông **C**, bà **N** nhận chuyển nhượng của ông **Nguyễn Văn S** vào ngày 24/10/2003, ông **S** đã sử dụng diện tích đất này từ trước năm 1993.

[2.2] Ngày 10/11/2010, **UBND tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 2897/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.258,7m² (trong đó có thửa đất số 483, tờ bản đồ số 24, diện tích 942m² và thửa đất số 417, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.316,7m²) tại **phường T, thành phố B** của **Trường Đại học T4** giao cho **UBND thành phố B** quản lý, để bố trí tái định cư cho các hộ bị thu hồi đất (viết tắt Quyết định số 2897).

[2.3] Ngày 13/3/2023, UBND phường T, thành phố B lập Biên bản vi phạm hành chính số 16/BB-VPHC đối với ông Đỗ Quý L (viết tắt Biên bản vi phạm hành chính số 16) vì đã có các hành vi vi phạm tại điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 27/3/2023, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Đỗ Quý L (viết tắt Quyết định số 1342), do ông Đỗ Quý L có hành vi vi phạm hành chính là chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị; Biện pháp khắc phục phải thực hiện: buộc ông L phải phá bỏ các công trình gồm 01 căn nhà cấp IV và công trình phụ, buộc trả lại phần đất đã chiếm.

[2.4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 1342: căn cứ ban hành Quyết định số 1342 là Biên bản vi phạm hành chính số 16. Biên bản vi phạm hành chính được UBND phường T ngày 13/3/2023 đối với ông Đỗ Quý L đã có hành vi vi phạm hành chính là chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực đô thị với diện tích 138,9m², thuộc một phần thửa đất số 417.

Như đã nêu trên thì ông L không thực hiện hành vi vi phạm mà ông chỉ nhận chuyển nhượng lại từ ông T2, ông L1, căn nhà là ông L1 xây từ năm 2005 và nguồn gốc đất là ông S sử dụng từ năm 1993. Như vậy, ông L không phải là người thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính; việc sử dụng phần thửa đất này từ năm 1993, hành vi của ông L1 xây nhà từ năm 2005 đến năm 2023 mới lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông L là người không thực hiện hành vi vi phạm, là không đúng theo quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính “1. Khi phát hiện vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phải kịp thời lập biên bản,”. Theo đó, việc ban hành Quyết định số 1342 của Chủ tịch UBND thành phố B ban hành là không đúng.

[2.5] Hơn nữa, năm 2010, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2897 thu hồi đất của Trường Đại học T4 nhưng chưa giải quyết hậu quả các trường hợp các hộ dân đã có nhà cửa, sinh sống ổn định trên thửa đất thu hồi. Đối với trường hợp hộ ông L khi nhận chuyển nhượng nhà, đất từ ông T2, ông L1 thì gia đình ông L quản lý, sử dụng, sinh sống ổn định, đăng ký cư trú từ năm 2014 đến nay. Hộ sử dụng đất đã nộp thuế nhà, đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ cho Nhà nước trong nhiều năm. Nhà và đất nêu trên đã có sổ nhà, được sử dụng trước khi có Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND tỉnh Đ. Thửa đất này theo Quyết định số 2659/QĐ-UBND ngày 13/11/2012 của UBND tỉnh Đ quy hoạch đất ở hiện hữu chính trang. Một số hộ tại thửa đất này

được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ “1. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm ..., công trình công cộng khác thì Nhà nước thu hồi đất để trả lại cho công trình mà không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã lấn, chiếm. Trường hợp đã có điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mà nay diện tích đất lấn, chiếm không còn thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; không thuộc chỉ giới xây dựng đường giao thông; không có mục đích sử dụng cho trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp và công trình công cộng khác thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật”.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Quý L** về hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch **UBND thành phố B** đối với ông **Đỗ Quý L**.

[4] Về án phí:

Do người khởi kiện ông **Đỗ Quý L** được chấp nhận yêu cầu kháng cáo, được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông **L** số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp.

Do yêu cầu khởi kiện ông **Đỗ Quý L** được chấp nhận nên Chủ tịch **UBND thành phố B** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2024/HC-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Quý L** về việc yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 1342/QĐ-KPHQ ngày 27/3/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân T**, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí:

Ông **Đỗ Quý L** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu số 0006454 ngày 10 tháng 01 năm 2024, phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số ngày 0014012 ngày 5 tháng 8 năm 2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk cho ông **Đỗ Quý L** (đều do ông **Đỗ Quý B** nộp thay).

Chủ tịch **UBND thành phố B** phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Hợp